

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST.

Ngày: 24-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Bảy.

+ Ông Đường Thanh Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với:

- *Bị cáo:* **Nguyễn Hoàng T** - Sinh năm: 1989;

+ Tên gọi khác: Không có;

+ Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long;

+ Nơi cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

+ Trình độ học vấn: Lớp 3/12;

+ Nghề nghiệp: Làm thuê;

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không;

+ Con ông Nguyễn Văn H, con bà Đặng Thị Bé N;

+ Có vợ là Vòng Phui Lầy;

+ Bị cáo có hai người con, người con lớn sinh năm 2014, người con nhỏ sinh năm 2016;

+ Tiền án: Không;

+ Tiền sự: Không;

+ Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X**; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông **Nguyễn Văn D** - Sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre - Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V3**; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V3: Ông **Quách Xuân T1**; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre - Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V3 (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Tấn C** - Sinh năm: 1966; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh **Huỳnh Phúc T2** - Sinh năm: 1975, trú tại: Ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Thanh T3** - Sinh năm: 1989, trú tại: Khu phố E, Phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

+ Anh **Đỗ Mai T4** - Sinh năm: 1988, trú tại: Số A N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Anh **Phạm Công B** - Sinh năm: 1983, trú tại: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Quang K** - Sinh năm: 1988, trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Anh **Kim Hữu T5** - Sinh năm: 1983, trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/3/2023, bị cáo Nguyễn Hoàng T được người bạn tên D1

(không xác định được nhân thân) kêu bán xe cuốc của ông chú với giá là 70.000.000VNĐ (bảy mươi triệu đồng) và cho T xem hình ảnh. Do hàng ngày đi làm, T nhìn thấy xe cuốc mà D1 kêu bán để dưới chân cầu H thuộc xã T, huyện M nên biết giá trị xe cuốc lớn hơn nhiều giá mà Dương bán. T nảy sinh ý định lấy trộm xe cuốc nên nói với D1 nếu lấy trộm được sẽ đưa cho D1 số tiền là 70.000.000VNĐ (bảy mươi triệu đồng). Ngày 05/3/2023, bị cáo đi đến khu vực công B thuộc thành phố M, tỉnh Tiền Giang tìm nơi cất giấu xe cuốc. Ngày 06/3/2023, bị cáo gọi điện thoại thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn V3 đến chân cầu H cầu xe cuốc về công Bảo Định với giá 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng). Khi Công ty V3 cầu xe cuốc đến khu vực công B, bị cáo nhờ ông Nguyễn Tấn C chuyển khoản số tiền 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn V3. Ngày 07/3/2023, bị cáo thuê anh Huỳnh Phúc T2 cầu xe cuốc từ công Bảo Định đến tiệm S1 tại phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang do anh Nguyễn Thanh T3 làm chủ để sửa chữa, thay đổi xe cuốc thành xe khoan cọc nhồi. Đến ngày 08/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M xác định bị cáo là người thực hiện hành vi chiếm đoạt xe cuốc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐG ngày 22/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Bến Tre kết luận: Một xe máy xúc (xe cuốc) hiệu SUMISH75U, màu vàng, không biển kiểm soát, số khung 075U1-1594 đã qua sử dụng có giá trị là 190.000.000VNĐ (một trăm chín mươi triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKSMCB ngày 24 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã truy tố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt

bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm sáu tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị hại một xe máy xúc (xe cuốc) hiệu SUMISH75U, màu vàng, không biển kiểm soát, số khung 075U1-1594 đã qua sử dụng; tịch thu sung ngân sách Nhà nước một cái điện thoại di động phím bấm, màu đen, hiệu N1, Model 1280, số IMEI: 358253/04/778296/9 đã qua sử dụng, có gắn sim số 0984870310; lưu hồ sơ vụ án: 01 USB chứa dữ liệu 06 đoạn video được trích xuất từ camera của Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh T ghi lại quá trình di chuyển của bị cáo và xe cẩu của Công ty V3 được niêm phong có chữ ký của Võ Hải Đ, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Hiếu Trung Q; 01 đĩa DVD chứa dữ liệu trích xuất từ camera tại quán cà phê của ông Nguyễn Tân C ghi lại việc bị cáo có mặt tại đây để nhờ ông chuyển khoản cho Công ty V3;

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đã nhận của bị cáo số tiền bồi thường là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đại diện theo pháp luật của bị hại là ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng có đơn xin vắng mặt; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các hoạt động tố tụng, quyết định tố tụng của Điều Tra V, Kiểm Sát V1, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không bị khiếu nại và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định được:

[3.1] Lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, ngày 06/3/2023, bị cáo Nguyễn Hoàng T đã chiếm đoạt một xe máy xúc (xe cuốc) hiệu SUMISH75U, màu vàng, không biển kiểm soát, số khung 075U1-1594 đã qua sử dụng của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X có giá trị là 190.000.000VNĐ (một trăm chín mươi triệu đồng).

[3.2] Hành vi của bị cáo được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong khi đó, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện.

[3.3] Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Từ đó cho thấy việc truy tố bị cáo ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, h, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); người đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4.2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, là lao động chính, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con còn nhỏ, có ông ngoại (ông Đặng Văn V2) được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà ngoại (bà Nguyễn Thị S) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, nên không cần thiết phải cách ly bị

cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục là cũng đủ để cải tạo, giáo dục được bị cáo.

[4.4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) đến 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh sống của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4.5] Đối với người tên D1 không rõ nhân thân, lai lịch, quá trình điều tra chưa làm việc được nên chưa có cơ sở để xử lý. Công ty Trách nhiệm hữu hạn V3, anh Huỳnh Phúc T2, anh Nguyễn Thanh T3, ông Nguyễn Tấn C không biết việc bị cáo chiếm đoạt xe cuốc nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị hại một xe máy xúc (xe cuốc) hiệu SUMISH75U, màu vàng, không biển kiểm soát, số khung 075U1-1594 đã qua sử dụng theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 24/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M với ông Nguyễn Văn D. Đối với một cái điện thoại di động phím bấm, màu đen, hiệu N1, Model 1280, số IMEI: 358253/04/778296/9 đã qua sử dụng, có gắn sim số 0984870310 là của bị cáo, bị cáo sử dụng trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đã nhận của bị cáo số tiền bồi thường là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên ghi nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 200.000VNĐ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường

hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước một cái điện thoại di động phím bấm, màu đen, hiệu N1, Model 1280, số IMEI: 358253/04/778296/9 đã qua sử dụng, có gắn sim số 0984870310. Vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đã nhận của bị cáo số tiền bồi thường là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp: 200.000VNĐ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã Đại Phước;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỏ Cày Bắc;
- Công an huyện Mỏ Cày Bắc (P.HSNV);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.